

Số: /QĐ-UBND

Long An, ngày tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và
Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Long An
giai đoạn 2021-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 4950/TTr-SNN ngày 08/8/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025.

Bộ tiêu chí này là căn cứ để xây dựng và chỉ đạo thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025, đồng thời làm cơ sở thực hiện đánh giá, công nhận xã nông thôn mới và nông thôn mới nâng cao.

Điều 2. Nhiệm vụ của các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố:

1. Các sở, ngành tỉnh căn cứ hướng dẫn của các bộ, ngành Trung ương phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) ban hành hướng dẫn thực hiện đối với các tiêu chí do ngành quản lý.

2. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh) chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh hàng năm tổ chức kiểm tra, giám sát, đôn đốc việc thực hiện duy trì và nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới sau đạt chuẩn, để đảm bảo phát triển nông thôn bền vững.

3. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo các ngành chức năng và Ủy ban nhân dân các xã triển khai thực hiện xây dựng nông thôn mới gắn với quá trình công nghiệp hóa nông nghiệp, đô thị hóa nông thôn,

từng bước tiệm cận điều kiện về hạ tầng và dịch vụ của đô thị văn minh, đảm bảo “sáng, xanh, sạch, đẹp, bình yên và giàu bản sắc văn hóa truyền thống”.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1243/QĐ-UBND ngày 07/4/2017 về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới tỉnh Long An đến năm 2020 và Quyết định số 1617/QĐ-UBND ngày 17/5/2018 về việc ban hành Bộ tiêu chí nông thôn mới nâng cao tỉnh Long An.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 4;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Văn phòng điều phối NTM Trung ương;
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- TT.UBMTTQVN tỉnh và các đoàn thể tỉnh;
- CVP, các PCVP.UBND tỉnh;
- Văn phòng Điều phối NTM tỉnh;
- Phòng KTTC;
- Lưu: VT, Luan.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Phụ lục I
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI TỈNH LONG AN
GIAI ĐOẠN 2021-2025
(Ban hành kèm theo Quyết định số 8151/QĐ-UBND ngày 31/ 8 /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

I. QUY HOẠCH

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã ¹ được phê duyệt phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã giai đoạn 2021-2025 (trong đó có quy hoạch khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn ²) và được công bố công khai đúng thời hạn	Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch	Đạt	

II. HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI

¹ Quy hoạch chung xây dựng xã phải đáp ứng các yêu cầu về thực hiện: Cơ cấu lại ngành nông nghiệp gắn với ứng phó với biến đổi khí hậu, quá trình đô thị hóa của các xã ven đô và bảo vệ môi trường nông thôn; khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn (hạ tầng khu sơ chế, chế biến, trung chuyển nguyên liệu và sản phẩm nông nghiệp) phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã.

² Khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn gồm/ hoặc các khu chức năng: (1) Sản xuất công nghiệp (chế tạo nông cụ, công nghiệp chế biến gắn với vùng sản xuất chuyên canh); (2) thương mại (chuyên doanh buôn bán nông sản, vật tư nông nghiệp, chế biến bảo quản, kho bãi); (3) dịch vụ sản xuất nông nghiệp (khuyến nông, bảo vệ thực vật, thú y, quản lý chất lượng, chuyển đổi số), dịch vụ thị trường (phân tích, dự báo thị trường, thông tin thị trường, xúc tiến thương mại, ...).

Tùy theo điều kiện thực tế của từng xã, khu chức năng dịch vụ hỗ trợ phát triển kinh tế nông thôn có thể được xác lập tại vị trí tập trung hoặc phân tán, lồng ghép trong các chức năng khác (cụm công nghiệp, khu dịch vụ - thương mại – du lịch, trung tâm hành chính xã) được xác định trong đồ án quy hoạch chung xây dựng xã.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
2	Giao thông ³	2.1. Tỷ lệ km đường xã được nhựa hóa hoặc bê tông hóa, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ⁴		100%	Sở Giao thông vận tải
		2.2. Tỷ lệ km đường ấp, đường liên ấp được cứng hóa ⁵ đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm ⁶		100%	
		2.3. Tỷ lệ km đường ngõ, xóm sạch và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm ⁷		≥ 70%	
		2.4. Tỷ lệ km đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm ⁸		≥ 70%	
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ⁹		≥ 80%	Sở NN và PTNT
		3.2. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”	Có Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã và Đội xung kích phòng chống thiên tai; có công chức xã được phân công theo dõi lĩnh vực phòng chống thiên tai và làm thường trực Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn xã	Đạt	
			Có Kế hoạch phòng, chống thiên tai của xã được phê duyệt; có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra trên địa bàn	Đạt	
			Có 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo	Đạt	
			Kết quả chấm điểm thực hiện các chỉ tiêu về phòng chống thiên tai đạt từ 50 điểm trở lên	Đạt	

³ Đối với những đường đã được đầu tư xây dựng hoặc được lập hồ sơ trước khi Bộ tiêu chí này có hiệu lực, nếu quy mô đường không đảm bảo theo quy định của Bộ tiêu chí thì phải bố trí các điểm tránh xe đúng quy định và phải có lộ trình đầu tư nâng cấp đường cụ thể để đảm bảo quy mô theo đúng quy định của Bộ tiêu chí.

⁴ Quy mô đường xã như sau: Mặt đường rộng tối thiểu 4,0 m; lề đường mỗi bên rộng tối thiểu 1,25 m; nền đường rộng tối thiểu 6,5 m; tối thiểu 500 m bố trí 01 điểm tránh xe.

⁵ Cứng hóa là mặt đường được trải nhựa hoặc bê tông hoặc cấp phối có lu lên bằng sỏi đỏ, đá dăm.

⁶ Quy mô đường ấp, liên ấp như sau: Mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m; lề đường mỗi bên rộng tối thiểu 0,75 m; nền đường rộng tối thiểu 5,0 m; tối thiểu 500 m bố trí 01 điểm tránh xe.

⁷ Quy mô đường ngõ xóm như sau: Mặt đường rộng tối thiểu 1,5 m; nền đường rộng tối thiểu 2,0 m.

⁸ Quy mô đường trục chính nội đồng như sau: Mặt đường rộng tối thiểu 3,5 m; lề đường mỗi bên rộng tối thiểu 0,75 m; nền đường rộng tối thiểu 5,0 m; tối thiểu 500 m bố trí 01 điểm tránh xe.

⁹ Đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động là việc điều tiết nước hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của đối tượng sử dụng nước về số lượng và chất lượng.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
4	Điện	4.1. Hệ thống điện đạt chuẩn		Đạt	Sở Công Thương
		4.2. Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn		$\geq 98\%$	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất theo quy định	Đối với xã có hơn 3 trường học: 100% các trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó có từ 70% số trường trở lên đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
			Đối với các xã có từ 3 trường trở xuống: 100% các trường đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu, trong đó có từ 50% số trường trở lên đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	Đạt	
6	Cơ sở vật chất văn hoá	6.1. Xã có Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng hoặc Hội trường đa năng và Sân thể thao phục vụ sinh hoạt văn hóa, thể thao của toàn xã	Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Học tập cộng đồng hoặc Hội trường đa năng có diện tích quy hoạch tối thiểu 500 m ² ; có hội trường đảm bảo bố trí từ 200 chỗ ngồi trở lên; có đủ các trang thiết bị cần thiết	Đạt	Sở VHTT và Du lịch
			Sân thể thao ¹⁰ có diện tích tối thiểu 2.000 m ² và có xây dựng các công trình thể thao.	Đạt	
			Có các Tiểu ban chuyên môn và đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên.	Đạt	
		6.2. Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định ¹¹		Đạt	
		6.3. Tỷ lệ ấp có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng ¹²		100%	

¹⁰ Sân thể thao có thể ở nhiều vị trí trên địa bàn xã nhưng tổng diện tích các sân thể thao phải từ 2.000 m² trở lên.

¹¹ Mỗi xã có ít nhất 01 điểm vui chơi, giải trí và thể thao độc lập cho trẻ em và người cao tuổi. Nếu xã chưa có điều kiện đầu tư điểm vui chơi, giải trí và thể thao riêng biệt cho trẻ em và người cao tuổi thì có thể đặt điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi trong khuôn viên của Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã nhưng phải có trang thiết bị hoạt động phù hợp; đảm bảo dành tối thiểu 30% thời gian sử dụng trong năm để tổ chức các hoạt động vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi; phải đảm bảo điều kiện và có nội dung hoạt động chống đuối nước cho trẻ em; có lộ trình và cam kết thực hiện đầu tư xây dựng điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi độc lập theo lộ trình.

¹² Quy mô Nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao: Diện tích quy hoạch ≥ 300 m²; đảm bảo bố trí ≥ 100 chỗ ngồi; có đủ các trang thiết bị cần thiết; có Ban Chủ nhiệm và đảm bảo kinh phí hoạt động thường xuyên.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán trao đổi hàng hóa ¹³		Đạt	Sở Công Thương
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính	Có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp; có treo biển tên điểm phục vụ	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
			Có niêm yết giờ mở cửa và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng. Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ ngày làm việc	Đạt	
			Dịch vụ thư có địa chỉ nhận có khối lượng đơn chiếc đến 02 kg. Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg	Đạt	
		8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet	Toàn bộ các ấp có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng ít nhất một trong hai loại dịch vụ điện thoại: trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất và ít nhất một trong hai loại dịch vụ truy nhập Internet: trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất	Đạt	
			Dịch vụ viễn thông, internet trên địa bàn xã phải đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành	Đạt	
		8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các ấp	Đài truyền thanh xã đảm bảo theo hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông	Đạt	

¹³ Chợ nông thôn đạt phải có: Nhà chợ chính kiên cố hoặc bán kiên cố; nền chợ được bê tông hóa; điểm kinh doanh có diện tích tối thiểu 3 m²/ 01 điểm; có khu vệ sinh, bãi để xe, hệ thống cấp điện, hệ thống cấp - nước sinh hoạt, thiết bị phòng cháy chữa cháy, khu thu gom và vận chuyển rác đi xử lý; có tổ chức quản lý chợ, nội quy, cân đối chứng; khu bán thực phẩm tươi sống và dịch vụ ăn uống phải được bố trí riêng... Nơi mua bán, trao đổi hàng hóa (siêu thị mini, cửa hàng tiện lợi, cửa hàng kinh doanh tổng hợp) đạt phải có: Diện tích kinh doanh tối thiểu 50 m²; có từ 200 danh mục hàng hóa kinh doanh trở lên; công trình kiến trúc được xây dựng vững chắc, đảm bảo an toàn phòng cháy, chữa cháy, vệ sinh môi trường... Nếu xã không quy hoạch hoặc có quy hoạch nhưng do nhu cầu thực tế chưa cần đầu tư xây dựng chợ nông thôn/nơi mua bán, trao đổi hàng hóa thì xem như đạt tiêu chí Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
			100% các ấp có hệ thống loa hoạt động tốt	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành	Tỷ lệ máy vi tính trên số cán bộ, công chức xã	100%	
			Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống thư điện tử của tỉnh; Hệ thống một cửa điện tử; Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến	Đạt	
			Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã	$\geq 30\%$	
9	Nhà ở dân cư ¹⁴	9.1. Nhà tạm, dột nát ¹⁵		Không có	Sở Xây dựng
		9.2. Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ¹⁶	Đối với xã thuộc thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường và các huyện: Bến Lức, Đức Hòa, Cần Đức, Cần Giuộc (trừ xã Phước Vĩnh Đông), Châu Thành, Tân Trụ	$\geq 90\%$	
			Đối với xã thuộc các huyện: Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hoá, Tân Thạnh, Thạnh Hoá, Thủ Thừa, Đức Huệ và xã Phước Vĩnh Đông - huyện Cần Giuộc.	$\geq 70\%$	

III. KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT

¹⁴ Nhà ở là công trình xây dựng trên thửa đất có chức năng ở và được dùng để ở, bao gồm 03 bộ phận: Nền - móng; khung - tường; mái.

¹⁵ Nhà tạm, nhà dột nát (nhà ở đơn sơ) là loại nhà có cả 3 thành phần cấu thành chủ yếu (nền - móng; khung - tường; mái) không được xếp vào loại bền chắc (bê tông cốt thép, gạch/đá, sắt thép, gỗ bền chắc; mái ngói/tôn giả ngói/tôn lạnh/ tôn cách nhiệt/ tôn cán sóng và có kết cấu đỡ bằng thép/ gỗ bền chắc) hoặc được xây dựng bằng các vật liệu tạm thời, dễ cháy; không đảm bảo “3 cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng); thiếu diện tích ở, bếp, nhà tiêu hợp vệ sinh, không đảm bảo an toàn cho người sử dụng.

¹⁶ Nhà kiên cố (nhà đạt chuẩn) là nhà phải đảm bảo các yêu cầu: (1) Đảm bảo 3 “cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng): Nền-móng được làm từ vữa xi măng-cát, bê tông cốt thép, gạch, đá; khung-cột-tường được làm từ bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc, gạch/đá; mái được lợp ngói/tôn giả ngói/tôn lạnh/ tôn cách nhiệt/ tôn cán sóng; (2) diện tích tối thiểu từ 14 m²/ người trở lên, diện tích một căn nhà tối thiểu từ 30 m² trở lên (hộ đơn thân tối thiểu từ 18 m² trở lên); (3) niên hạn sử dụng từ 20 năm trở lên; (4) các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí vệ sinh, thuận tiện.

Nhà bán kiên cố (nhà ở thiếu kiên cố) là nhà ở có 01 trong tổng số 03 bộ phận cấu thành chủ yếu được xếp vào loại bền chắc hoặc có 02 trong tổng số 03 bộ phận cấu thành chủ yếu không đảm bảo 3 cứng.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (triệu đồng/người)	Năm 2021	≥ 50	Cục Thống kê tỉnh
			Năm 2022	≥ 53	
			Năm 2023	≥ 56	
			Năm 2024	≥ 59	
			Năm 2025	≥ 62	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 đạt theo quy định của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội		Đạt	Sở LĐTB và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ¹⁷		$\geq 70\%$	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ¹⁸		$\geq 25\%$	
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Xã có hợp tác xã hoạt động hiệu quả và theo đúng quy định của Luật Hợp tác xã	Tổ chức và hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tư
			Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu phục vụ thành viên hợp tác xã	Đạt	
			Được đánh giá, xếp loại đạt loại khá trở lên hoặc loại trung bình trở lên đối với hợp tác xã thành lập dưới 03 năm ¹⁹	Đạt	
			Số thành viên của hợp tác xã tham gia góp vốn	≥ 15 thành viên	

¹⁷ Tỷ lệ lao động qua đào tạo bằng **số lao động qua đào tạo** chia cho **tổng số lực lượng lao động nhân 100%**. Lao động đã qua đào tạo là người đã hội đủ các yếu tố: Được đào tạo ở cơ sở đào tạo thuộc hệ thống giáo dục quốc dân từ 03 tháng trở lên và đã tốt nghiệp, đã được cấp bằng/chứng chỉ/chứng nhận hoặc chưa qua trường lớp đào tạo nhưng do tự học, do được truyền nghề hoặc vừa học vừa làm nên có tay nghề tương đương với bậc 1 của công nhân kỹ thuật và thực tế đã từng làm công việc này từ 03 năm trở lên.

¹⁸ Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ bằng **số lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ** chia cho **tổng số lực lượng lao động nhân 100%**.

¹⁹ Việc đánh giá, xếp loại hợp tác xã thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		13.2. Xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm chủ lực ²⁰ đảm bảo bền vững	Có hợp đồng liên kết ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, hai (02) chu kỳ nuôi, trồng, khai thác đối với các sản phẩm nông nghiệp khác	Đạt	Sở NN và PTNT
			Sản phẩm của mô hình liên kết được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết	Đạt	
		13.3. Thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã gắn với xây dựng vùng nguyên liệu và được chứng nhận VietGAP hoặc tương đương	Xã có sản phẩm nông sản chủ lực được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm	Đạt	
			Xã có sản phẩm nông sản chủ lực được sản xuất theo quy trình thực hành sản xuất tốt hoặc tiêu chuẩn chất lượng có chứng nhận được các tổ chức có thẩm quyền chứng nhận, còn hiệu lực	Đạt	
		13.4. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bảo tồn, phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống (nếu có) gắn với hạ tầng về bảo vệ môi trường	Có Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng bảo vệ môi trường được phê duyệt và được triển khai thực hiện đúng theo Kế hoạch ²¹	Đạt	

²⁰ Sản phẩm chủ lực của xã là sản phẩm phù hợp với điều kiện sản xuất của xã, người dân có kinh nghiệm sản xuất, gần thị trường lớn... để cho ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giá thành cạnh tranh, có diện tích sản xuất, quy mô đàn, sản lượng lớn và gắn với hoạt động sinh kế của đa số người dân trong xã; hoặc có hiệu quả kinh tế cao (gấp tối thiểu 1,5 lần sản phẩm đại trà khác của xã) và có tiềm năng mở rộng. Sản phẩm nông nghiệp chủ lực của xã phải phù hợp với quy hoạch hoặc định hướng cơ cấu lại nông nghiệp của xã.

²¹ Các nội dung, nhiệm vụ cơ bản của Kế hoạch bảo tồn và phát triển làng nghề, làng nghề truyền thống gắn với hạ tầng bảo vệ môi trường gồm: (1) Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, hiểu biết về tầm quan trọng của làng nghề đối với phát triển kinh tế - xã hội của xã; (2) Khôi phục và duy trì các lễ, hội gắn với các làng nghề, làng nghề truyền thống; (3) Bảo vệ cảnh quan, không gian làng nghề, làng nghề truyền thống; (4) Đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất như: đường giao thông, điện, kho bãi...; (5) Có hệ thống thu gom xử lý rác thải, nước sản xuất tập trung tại các làng nghề, làng nghề truyền thống; (6) Tổ chức và hỗ trợ đào tạo, truyền nghề; (7) Xúc tiến thương mại đối với các sản phẩm làng nghề, làng nghề truyền thống: Đăng ký nhãn hiệu hàng hóa, quảng bá thương hiệu, tham gia các hội chợ thương mại, tiêu thụ sản phẩm làng nghề.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
			Có Quyết định thành lập Tổ của cấp có thẩm quyền; Tổ có xây dựng nội quy, quy chế, điều lệ hoạt động.	Đạt	Sở NN và PTNT
			Số lượng thành viên	≥ 5 người	
		13.5. Có Tổ khuyến nông cộng đồng hoạt động hiệu quả ²²	Thực hiện hiệu quả một trong các nội dung: Chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; đào tạo, tập huấn cho nông dân, hợp tác xã; tư vấn hỗ trợ phát triển hợp tác xã, tổ hợp tác; tư vấn liên kết sản xuất, kết nối thị trường; tư vấn quản lý chất lượng, truy xuất nguồn gốc; tư vấn về chính sách; dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y; tham gia các hoạt động phát triển cộng đồng ²³	Đạt	

IV. VĂN HÓA - XÃ HỘI – MÔI TRƯỜNG

14	Giáo dục và Đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi; phổ cập giáo dục tiểu học; phổ cập giáo dục trung học cơ sở; xóa mù chữ	Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	Đạt	Sở Giáo dục và Đào tạo
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2	Đạt	
			Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	$\geq 98\%$	
			Đạt chuẩn phổ cập giáo dục trung học cơ sở mức độ 2	Đạt	
			Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	Đạt	
			Trung tâm học tập cộng đồng xã được đánh giá/xếp loại	Tốt	
		14.2. Tỷ lệ học sinh (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, giáo dục thường xuyên, trung cấp)		$\geq 80\%$	

²² Tổ khuyến nông cộng đồng là tổ chức khuyến nông tự nguyện với thành phần nòng cốt là cán bộ khuyến nông cơ sở và đại diện các tổ chức chuyên môn, chính trị, xã hội, đoàn thể, kinh tế, nông dân sản xuất giỏi tại địa phương.

²³ Hiệu quả của các nội dung được thể hiện qua: Số mô hình được chuyển giao; số lớp đào tạo; số hợp tác xã, tổ hợp tác được tư vấn thành lập mới hoặc hỗ trợ hoạt động; số lượng hợp đồng liên kết sản xuất; số lượng sản phẩm đạt tiêu chuẩn hoặc được truy xuất nguồn gốc; số lượng hợp tác xã, tổ hợp tác, nông dân được tư vấn, hướng dẫn; tỷ lệ hộ, hợp tác xã được đáp ứng dịch vụ giống, vật tư, thiết bị nông nghiệp, bảo vệ thực vật, thú y.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 90\%$	Sở Y tế
		15.2. Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế		Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)		$\leq 19\%$	
		15.4. Tỷ lệ dân số có Sổ khám chữa bệnh điện tử		$\geq 50\%$	
16	Văn hoá	Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định ²⁴ , có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	Tỷ áp đạt tiêu chuẩn văn hoá theo quy định	$\geq 75\%$	Sở VH TT và Du lịch
			Tỷ lệ áp có kế hoạch và thực hiện kế hoạch xây dựng nông thôn mới	100%	Sở NN và PTNT
17	Môi trường và an toàn thực phẩm	17.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn và hệ thống cấp nước tập trung ²⁵		$\geq 45\%$, trong đó $\geq 30\%$ sử dụng từ hệ thống cấp nước tập trung ²⁶	Sở NN và PTNT

²⁴ Việc xét, công nhận áp đạt tiêu chuẩn văn hoá thực hiện theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ.

²⁵ Hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cho quy mô từ cấp ấp trở lên, gồm các hạng mục công trình thu nước, xử lý nước, mạng lưới đường ống phân phối nước và các công trình phụ trợ có liên quan. Đối với khu vực dân cư thưa thớt, phân bố không tập trung thì hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước sinh hoạt phục vụ cho quy mô từ 30 hộ dân trở lên.

Công trình cấp nước quy mô hộ gia đình là công trình cấp nước sinh hoạt có quy mô cấp nước cho một hộ hoặc một vài hộ gia đình sử dụng, gồm các loại hình: Giếng khoan, giếng đào, lu, bể chứa, bình lọc nước hộ gia đình...

²⁶ Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ các nguồn (hệ thống cấp nước tập trung và công trình cấp nước quy mô hộ gia đình) trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá. Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số hộ dân nông thôn được sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung trên tổng số hộ dân nông thôn của xã tại cùng thời điểm đánh giá.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ²⁷	≥ 95%	Sở TN và MT
	17.3. Cảnh quan, không gian xanh - sạch - đẹp - an toàn; không để xảy ra tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Có ít nhất 50% tuyến đường xã, đường ấp và các khu vực công cộng được trồng cây xanh, cây bóng mát.	Đạt	
		Có ít nhất 30 % tuyến đường ấp được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý; các tuyến kênh, rạch chảy qua các khu dân cư tập trung phải được vệ sinh, phát quang; không có tồn đọng nước thải sinh hoạt tại các khu dân cư tập trung	Đạt	
		Có ít nhất 30% tuyến đường ấp được trồng hoa hoặc cây cảnh; có ít nhất 50% số hộ thực hiện chỉnh trang nhà ở, có cổng hàng rào.	Đạt	
		Hệ thống thoát nước mặt được xây dựng đảm bảo an toàn cho người dân ²⁸ ; khu vực công cộng có nguy cơ xảy ra tai nạn phải được cảnh báo và thực hiện các biện pháp quản lý; có kế hoạch và thực hiện kế hoạch vệ sinh môi trường thường xuyên, định kỳ	Đạt	

²⁷ Đối với cơ sở thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, cơ sở đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường phải có: (1) Vị trí cơ sở phải phù hợp với quy hoạch; (2) có Báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Cam kết bảo vệ môi trường hoặc Kế hoạch bảo vệ môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt; Giấy phép môi trường hoặc Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận; (3) có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định; (4) chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; (5) nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; (6) quản lý bụi, khí thải theo quy định; (7) thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường. Ngoài ra, đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản phải không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép và đáp ứng yêu cầu về điều kiện nuôi thủy sản.

Đối với cơ sở không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường: Cơ sở đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường phải có: (1) Vị trí cơ sở phải phù hợp với quy hoạch (nếu có); (2) có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định; (3) chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao theo quy định; (4) nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường; (5) quản lý bụi, khí thải theo quy định; (6) thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường (nếu có).

Đối với làng nghề được công nhận: Làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường phải có: (1) có Quyết định công nhận làng nghề; (2) có phương án bảo vệ môi trường làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt; (3) có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường; (4) có hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề (bao gồm: Hệ thống thu gom nước thải, nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có); điểm tập kết chất thải rắn, khu xử lý chất thải rắn (nếu có) hoặc phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý nằm ngoài địa bàn; các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường, cấp giấy phép môi trường hoặc đăng ký môi trường.

²⁸ Đối với sông, kênh chảy qua khu dân cư tập trung thì cần phải thực hiện cải tạo, gia cố và chống sạt lở bờ sông, bờ kênh.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		17.4. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ²⁹	$\geq 2 \text{ m}^2/\text{người}$	Sở NN và PTNT
	17.5. Mai táng, hỏa táng phù hợp với quy định và theo quy hoạch	Người chết phải được chôn cất tập trung tại nghĩa trang nhân dân hoặc hỏa táng. Nếu trên địa bàn xã không có nghĩa trang nhân dân thì UBND cấp xã có văn bản hướng dẫn chôn cất người chết ở những nơi phù hợp.	Đạt	Sở Xây dựng
		Mai táng, hỏa táng phải phù hợp với tín ngưỡng, phong tục-tập quán tốt và nếp sống văn minh hiện đại	Đạt	
		Vệ sinh trong mai táng, hỏa táng thực hiện theo đúng quy định của Bộ Y tế	Đạt	
		17.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ³⁰	$\geq 85\%$	Sở TN và MT
		17.7. Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng và chất thải rắn y tế được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường ³¹	100%	
		17.8. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch ³²	$\geq 70\%$	

²⁹ Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là **đất công viên, vườn hoa, sân chơi** được trồng các loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; không bao gồm cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ) có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, tác dụng phòng hộ cao, cây quý, hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương.

³⁰ Chất thải rắn sinh hoạt là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người. Chất thải rắn không nguy hại là chất thải rắn không thuộc danh mục chất thải nguy hại hoặc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác/ Tổng số hộ hiện có trên địa bàn x 100%. Tỷ lệ chất thải rắn không nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng khối lượng chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh trên địa bàn x 100%.

Việc thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 72, Điều 77, Điều 78 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Điều 58, 59, 61, 62, 63 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn không nguy hại được thực hiện theo quy định tại Điều 61, 64, 81, 82 của Luật Bảo vệ môi trường.

³¹ Việc thu gom, xử lý bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường và Điều 43 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Việc thu gom, xử lý chất thải rắn y tế được thực hiện theo quy định tại Điều 83, 84 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; khoản 3, 4 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Điều 42 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

³² Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Được xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường, không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở, không gây mùi hôi, khó chịu; (2) Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân. Nhà tắm hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che; (2) Nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		17.9. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ³³	$\geq 70\%$	Sở NN và PTNT
		17.10. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm ³⁴	100%	
		17.11. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ³⁵	$\geq 30\%$	Sở TN và MT
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ³⁶	$\geq 50\%$	

V. HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ

quy định. Thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Có dung tích đủ lớn; (2) Sử dụng vật liệu không có thành phần độc hại; (3) Có nắp đậy kín; (4) vệ sinh bề định kỳ 3 tháng 1 lần. Hộ gia đình đảm bảo 3 sạch, gồm: (1) Sạch nhà; (2) sạch bếp; (3) sạch ngõ theo nội dung Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

³³ Trang trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường phải có: (1) Vị trí xây dựng trang trại phù hợp, đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi theo quy định tại khoản 4 và khoản 5 Điều 53 của Luật Chăn nuôi; (2) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; (3) Có biện pháp bảo vệ môi trường; (4) Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp; (5) Có hồ sơ ghi chép quá trình hoạt động chăn nuôi; (6) Có khoảng cách an toàn trong chăn nuôi theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 23/2019/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2019 và Quyết định số 06/QĐ-BNN-CN ngày 02/01/2020 của Bộ Nông nghiệp và PTNT; (7) Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND cấp xã; (8) Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định tại Điều 69 của Luật Chăn nuôi; (9) Đối với trang trại quy mô lớn phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi; (10) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; (11) Thực hiện xử lý chất thải trong chăn nuôi theo quy định tại Điều 59 của Luật Chăn nuôi và Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/10/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

Hộ chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường phải có: (1) Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người; (2) Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi; (3) Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải, xác vật nuôi theo quy định; (4) Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND cấp xã; (5) Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định tại Điều 69 của Luật Chăn nuôi; (6) Thực hiện xử lý chất thải trong chăn nuôi theo quy định tại Điều 60 của Luật Chăn nuôi.

³⁴ Hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm phải có Giấy cam kết sản xuất thực phẩm an toàn hoặc Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm còn hiệu lực.

³⁵ Chất thải rắn sinh hoạt sau khi phân loại được quản lý như sau: (1) Khuyến khích tận dụng tối đa chất thải thực phẩm để làm phân bón hữu cơ, làm thức ăn chăn nuôi; (2) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế được chuyển giao cho tổ chức, cá nhân tái sử dụng, tái chế hoặc cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (3) Chất thải thực phẩm không khuyến khích sử dụng làm phân bón hữu cơ, thức ăn chăn nuôi thì phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt; (4) Chất thải rắn sinh hoạt khác phải được chứa, đựng trong bao bì theo quy định và chuyển giao cho cơ sở có chức năng thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt.

³⁶ Chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định phải có: (1) Không thải có tình trạng bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông; (2) chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định, chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định; (3) chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch, dịch vụ... phải được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho cơ sở có chức năng tái chế và xử lý; (4) tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý theo quy định; (5) có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoặc mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa, hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.1. Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn ³⁷		Đạt	Sở Nội vụ
		18.2. Đảng bộ, chính quyền xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		Đạt	
		18.3. Các tổ chức chính trị - xã hội của xã được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		Đạt	
		18.4. Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định		Đạt	Sở Tư pháp
		18.5. Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; phòng chống bạo lực trên cơ sở giới; phòng chống xâm hại trẻ em; bảo vệ và hỗ trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt trên địa bàn (nếu có); bảo vệ và hỗ trợ những người dễ bị tổn thương trong gia đình và đời sống xã hội	Tại thời điểm xét công nhận xã nông thôn mới không xảy ra bạo lực gia đình có tính chất nổi cộm; có ít nhất 01 mô hình phòng chống bạo lực gia đình	Đạt	Sở VH TT và Du lịch
			Có ít nhất 01 nữ là lãnh đạo chủ chốt ³⁸ của xã và có quy hoạch nữ lãnh đạo chủ chốt cấp xã để khi khuyết thì bổ trí ngay cán bộ nữ vào các vị trí này.	Đạt	Sở Nội vụ
			Có ít nhất 30% phụ nữ tham gia hợp tác xã, mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ sản phẩm hoặc mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hóa, môi trường).	Đạt	Sở LĐTB và Xã hội
			Không có tảo hôn, cưỡng ép kết hôn. Tỷ số giới tính khi sinh đạt theo Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới. Có ít nhất 01 địa chỉ tin cậy ³⁹ đạt chuẩn	Đạt	
			Có Ban bảo vệ trẻ em hoặc nhóm thường trực bảo vệ trẻ em. Có bố trí người làm công tác bảo vệ trẻ em.	Đạt	

³⁷ Cán bộ xã đạt chuẩn: Đối với chức danh chủ chốt: Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông; lý luận chính trị từ trung cấp trở lên; chuyên môn, nghiệp vụ từ trung cấp trở lên. Các chức danh còn lại: Có trình độ tốt nghiệp trung học cơ sở trở lên; lý luận chính trị từ sơ cấp và tương đương trở lên; chuyên môn, nghiệp vụ: Tương đương trình độ sơ cấp trở lên.

Công chức xã đạt chuẩn: Có trình độ tốt nghiệp trung học phổ thông; chuyên môn, nghiệp vụ: Tốt nghiệp đại học trở lên. Riêng đối với các xã biên giới, xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn thì trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tốt nghiệp từ cao đẳng trở lên của ngành đào tạo phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của từng chức danh công chức cấp xã, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

³⁸ Lãnh đạo chủ chốt của xã bao gồm: Bí thư Đảng ủy, Phó Bí thư Đảng ủy, Chủ tịch UBND, Phó Chủ tịch UBND, Chủ tịch HĐND, Phó Chủ tịch HĐND.

³⁹ Địa chỉ tin cậy là nhà tạm lánh ở cộng đồng để hỗ trợ người bị bạo lực trên cơ sở giới, bạo lực gia đình.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
			Trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được bảo vệ và hỗ trợ kịp thời. 100% số vụ việc trẻ em bị xâm hại được phát hiện, trợ giúp và xử lý kịp thời.	Đạt	Sở LĐTB và Xã hội
			Mỗi quý có ít nhất 04 tin, bài viết về bình đẳng giới; mỗi tháng có ít nhất 02 chuyên mục tuyên truyền về phòng, chống xâm hại trẻ em trên hệ thống thông tin cơ sở	Đạt	
		18.6. Có kế hoạch và triển khai kế hoạch bồi dưỡng về xây dựng nông thôn mới cho người dân, đào tạo nâng cao năng lực cộng đồng gắn với nâng cao hiệu quả hoạt động của Ban Phát triển ấp	Tỷ lệ hộ dân được bồi dưỡng kiến thức về xây dựng nông thôn mới.	≥ 50%	Sở NN và PTNT
			100% các Ban phát triển ấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực cộng đồng.	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Xây dựng lực lượng dân quân “vững mạnh, rộng khắp” và hoàn thành các chỉ tiêu quân sự, quốc phòng	Hàng năm và đột xuất, Đảng ủy, HĐND, UBND xã có ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
			Ban Chỉ huy quân sự xã có đủ 04 chức danh: Chỉ huy trưởng; Phó chỉ huy trưởng; Chính trị viên; Chính trị viên phó.	Đạt	
			Chỉ huy trưởng và các Phó chỉ huy trưởng có trình độ chuyên môn từ trung cấp ngành quân sự cơ sở trở lên, trong đó có ít nhất 75% có trình độ chuyên môn cao đẳng, đại học ngành quân sự cơ sở	Đạt	
			Ban Chỉ huy quân sự xã có trụ sở hoặc nơi làm việc riêng và có trang bị, thiết bị làm việc theo quy.	Đạt	
			Tổ chức biên chế lực lượng dân quân có chất lượng tổng hợp đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ quốc phòng, quân sự địa phương.	Đạt	

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
			Có tổ chức chi bộ quân sự cấp xã; tỷ lệ đảng viên trong lực lượng dân quân chiếm trên 18%.	Đạt	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh
			Có tối thiểu 01 trung đội dân quân cơ động tham gia làm nòng cốt trong Đội xung kích phòng chống thiên tai xã	Đạt	
			Thực hiện tốt công tác đăng ký, quản lý quân nhân dự bị, công dân nam trong độ tuổi thực hiện nghĩa vụ quân sự; hoàn thành chỉ tiêu tuyển chọn, gọi công dân nhập ngũ; thực hiện tốt công tác tuyển sinh quân sự.	Đạt	
		19.2. Không có hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc,...) và tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước; có một trong các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy) gắn với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả	Hàng năm, Đảng ủy xã có Nghị quyết, UBND xã có Kế hoạch về công tác đảm bảo an ninh trật tự; chỉ đạo tổ chức thực hiện hiệu quả công tác đảm bảo an ninh trật tự và Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.	Đạt	Công an tỉnh
			Không để xảy ra các hoạt động chống Đảng, chống chính quyền, phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc; phá hoại các mục tiêu, công trình trọng điểm về kinh tế, văn hóa, xã hội, an ninh - quốc phòng; tuyên truyền, phát triển tín ngưỡng, tôn giáo trái pháp luật; lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo, dân tộc, tranh chấp, khiếu kiện gây phức tạp về an ninh, trật tự; ly khai, đòi tự trị.	Đạt	
			Không có khiếu kiện đông người kéo dài trái pháp luật	Đạt	
			Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em.	Đạt	
			Số vụ phạm tội về trật tự xã hội giảm ít nhất 5% so với năm trước; tệ nạn xã hội; tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, giảm so với năm trước (trừ trường hợp bất khả kháng).	Đạt	

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
			Có một trong các mô hình về phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội.	Đạt	Công an tỉnh
			Không thuộc danh sách xã trọng điểm phức tạp về an ninh trật tự (trừ các xã có đường biên giới quốc gia đất liền).	Đạt	
			Tập thể Công an xã đạt danh hiệu “Đơn vị tiên tiến” trở lên; không có cán bộ, chiến sĩ vi phạm bị xử lý kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở được đánh giá hoàn thành nhiệm vụ trở lên, không có cá nhân vi phạm pháp luật	Đạt	

Phụ lục II
BỘ TIÊU CHÍ XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO TỈNH LONG AN
GIAI ĐOẠN 2021-2025

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 8151/QĐ-UBND ngày 31 / 8 /2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

Xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025 là xã:

1. Đạt chuẩn nông thôn mới (đáp ứng đầy đủ mức đạt chuẩn theo yêu cầu của Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025).

2. Đạt các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025, bao gồm:

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
1	Quy hoạch	1.1. Có quy hoạch chung xây dựng xã còn thời hạn hoặc đã được rà soát, điều chỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.		Đạt	Sở Xây dựng
		1.2. Có quy chế quản lý và tổ chức thực hiện quy hoạch xây dựng và quản lý xây dựng theo quy hoạch	Có Quy chế quản lý xây dựng theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền ban hành	Đạt	
			Có Kế hoạch thực hiện Quy hoạch chung xây dựng xã được duyệt ⁴⁰	Đạt	
		1.3. Có quy hoạch chi tiết xây dựng trung tâm xã hoặc quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư mới phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và phù hợp với định hướng đô thị hóa theo quy hoạch cấp trên		Đạt	

⁴⁰ Kế hoạch phải xác định thời gian thực hiện Quy hoạch xây dựng đối với từng khu vực cụ thể, phù hợp với mục tiêu và nguồn lực thực hiện Quy hoạch.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
2	Giao thông	2.1. Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp và có các hạng mục cần thiết theo quy định	Tỷ lệ đường xã được bảo trì hàng năm theo quy định ⁴¹ và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc...) theo quy định	100%	Sở Giao thông vận tải
			Tỷ lệ đường xã có điện chiếu sáng, trồng cây xanh và trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý	$\geq 80\%$	
		2.2. Tỷ lệ đường ấp và liên ấp	Tỷ lệ km đường ấp, liên ấp được cứng hóa ⁴² đạt 100%, trong đó có ít nhất 80% số km được nhựa hóa, bê tông hóa	Đạt	
			Tỷ lệ km đường ấp, liên ấp được bảo trì hàng năm theo quy định	100%	
			Tỷ lệ đường ấp, liên ấp có điện chiếu sáng, trồng cây xanh, được trang bị thùng đựng rác hoặc bố trí điểm tập kết rác hợp lý và có các hạng mục cần thiết (biển báo, biển chỉ dẫn, gờ giảm tốc...) theo quy định	$\geq 50 \%$	
		2.3. Tỷ lệ đường ngõ, xóm được cứng hóa, đảm bảo sáng - xanh - sạch - đẹp		$\geq 90\%$	
		2.4. Tỷ lệ đường trục chính nội đồng được cứng hóa đáp ứng yêu cầu sản xuất và vận chuyển hàng hóa		100%	

⁴¹ Việc bảo trì đường giao thông nông thôn được thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ và các văn bản khác.

⁴² Cứng hóa là mặt đường được trải nhựa hoặc bê tông hoặc cấp phối có lu lèn bằng sỏi đỏ, đá dăm.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
3	Thủy lợi và phòng, chống thiên tai	3.1. Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động ⁴³		$\geq 90\%$	Sở NN và PTNT
		3.2. Có ít nhất 01 tổ chức thủy lợi cơ sở ⁴⁴ hoạt động hiệu quả, bền vững	Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực theo quy định của Luật Thủy lợi ⁴⁵	Đạt	
			Số điểm đánh giá hoạt động hiệu quả, bền vững đạt từ 70 điểm trở lên, thông qua các chỉ tiêu đánh giá ⁴⁶	Đạt	
		3.3. Tỷ lệ diện tích cây trồng chủ lực của xã được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước ⁴⁷	Cây chủ lực là cây lúa ⁴⁸	$\geq 30\%$	
			Cây chủ lực là cây trồng cạn ⁴⁹	$\geq 10\%$	

⁴³ Đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động là việc điều tiết nước hoàn toàn đáp ứng yêu cầu của đối tượng sử dụng nước về số lượng và chất lượng.

⁴⁴ Tổ chức thủy lợi cơ sở là tổ chức của những người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi cùng hợp tác đầu tư xây dựng hoặc quản lý, khai thác công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng. Đối với xã chưa thành lập được tổ chức thủy lợi cơ sở, thì UBND xã thực hiện các nhiệm vụ của tổ chức thủy lợi cơ sở.

⁴⁵ Tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo về pháp lý, năng lực khi: (1) Được thành lập theo đúng quy định; (2) có điều lệ hoặc quy chế hoạt động dịch vụ thủy lợi được trên 50% số thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở thông qua và UBND cấp xã xác nhận; (3) toàn bộ người sử dụng sản phẩm, dịch vụ thủy lợi là thành viên của tổ chức thủy lợi cơ sở; (4) tổ chức bộ máy, người vận hành của tổ chức thủy lợi cơ sở đảm bảo đáp ứng năng lực theo quy định.

⁴⁶ Các chỉ tiêu đánh giá gồm: Thực hiện kế hoạch cấp, tưới, tiêu và thoát nước; thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa công trình thủy lợi; quản lý tài chính; thực hiện đa dịch vụ; mức độ hài lòng của thành viên.

⁴⁷ Trường hợp xã không có cây trồng chủ lực theo quy định của UBND tỉnh thì có thể được tính bằng tỷ lệ diện tích cây trồng mang lại giá trị kinh tế chính của xã, như: Lúa, rau màu, cây ăn quả, cây công nghiệp... được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phù hợp với điều kiện thực tế của xã. Đối với các xã có diện tích đất sản xuất nông nghiệp chủ yếu là đất nuôi trồng thủy sản, Chỉ tiêu 3.3 được đánh giá là đạt khi có áp dụng tiến bộ kỹ thuật trong nuôi trồng thủy sản đối với việc sử dụng nước đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả, phòng ngừa bệnh, bảo vệ môi trường, thích ứng biến đổi khí hậu.

⁴⁸ Diện tích tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đối với cây lúa là diện tích áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến như: SRI, 3 giảm 3 tăng, 1 phải 5 giảm, nông-lộ-phoi/ướt khô xen kẽ...

⁴⁹ Diện tích được tưới tiên tiến, tiết kiệm nước đối với cây trồng cạn là diện tích áp dụng các kỹ thuật tưới tiết kiệm nước như: Tưới phun mưa, tưới nhỏ giọt....

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		3.4. Có 100% các công trình thủy lợi nhỏ, nội đồng được bảo trì hàng năm	Tất cả công trình thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng có kế hoạch bảo trì hàng năm ⁵⁰	Đạt	Sở NN và PTNT
			Tổ chức thực hiện kế hoạch bảo trì đảm bảo đạt 100% so với kế hoạch	Đạt	
	3.5. Thực hiện kiểm kê, kiểm soát các nguồn nước thải xả vào công trình thủy lợi	Thống kê, cập nhật đầy đủ các nguồn nước thải xả vào từng công trình thủy lợi do xã quản lý		Đạt	
		Có chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát, tổ chức thực hiện kiểm soát nguồn nước thải, tổ chức quản lý nguồn nước thải theo thẩm quyền hoặc theo phân công, phân cấp		Đạt	
		Xử lý vi phạm xả nước thải vào công trình thủy lợi kịp thời, dứt điểm hàng năm theo thẩm quyền hoặc chuyển cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật		Đạt	
	3.6. Đảm bảo yêu cầu chủ động về phòng chống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”	Có Ban Chỉ huy và Đội xung kích phòng chống thiên tai; có công chức xã được phân công theo dõi lĩnh vực phòng chống thiên tai và làm thường trực Ban Chỉ huy		Đạt	
		Có Kế hoạch phòng, chống thiên tai được phê duyệt; có xác định vùng có nguy cơ cao về rủi ro theo các loại hình thiên tai; có phương án ứng phó đối với các loại hình thiên tai chủ yếu, thường xuyên xảy ra		Đạt	

⁵⁰ Kế hoạch bảo trì phải thể hiện một số công việc chính như: Kiểm tra, bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa định kỳ các hạng mục công trình thủy lợi, trong đó có dự kiến về thời gian, kinh phí, hình thức tổ chức thực hiện

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
			Có 100% số điểm có nguy cơ cao về rủi ro thiên tai được lắp đặt hệ thống hướng dẫn, cảnh báo	Đạt	Sở NN và PTNT
			Kết quả chấm điểm thực hiện các chỉ tiêu về phòng chống thiên tai đạt từ 70 điểm trở lên	Đạt	
4	Điện	Tỷ lệ hộ có đăng ký trực tiếp và được sử dụng điện sinh hoạt, sản xuất đảm bảo an toàn, tin cậy và ổn định		$\geq 99\%$	Sở Công Thương
5	Giáo dục	5.1. Trường học các cấp (mầm non, tiểu học, trung học cơ sở hoặc trường phổ thông có nhiều cấp học có cấp học cao nhất là trung học cơ sở) đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất	Tỷ lệ trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1	100%	Sở Giáo dục và Đào tạo
			Số trường học đạt tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2	≥ 01 trường	
		5.2. Duy trì và nâng cao chất lượng đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi		Đạt	
		5.3. Đạt chuẩn và duy trì đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học và trung học cơ sở		Mức độ 3	
		5.4. Đạt chuẩn xóa mù chữ		Mức độ 2	
		5.5. Cộng đồng học tập cấp xã được đánh giá, xếp loại		Khá	
		5.6. Có mô hình giáo dục thể chất cho học sinh rèn luyện thể lực, kỹ năng, sức bền		≥ 01 mô hình	

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
6	Văn hóa	6.1. Có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ở điểm công cộng; các loại hình hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao được tổ chức hoạt động thường xuyên	Trung tâm Văn hoá, Thể thao và Học tập cộng đồng xã và ít nhất 70% các điểm công cộng (nhà văn hóa ấp, công viên) có lắp đặt các dụng cụ thể dục thể thao ngoài trời ⁵¹	Đạt	Sở VHTT và Du lịch
			Hàng năm tổ chức ít nhất 04 cuộc thi văn hóa, văn nghệ, thể dục, thể thao quần chúng cấp xã. Đối với thư viện phải có hoạt động phục vụ tài nguyên thông tin cho người dân tối thiểu 3.000 lượt người/năm	Đạt	
		6.2. Di sản văn hóa được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ, tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định ⁵²	Tỷ lệ di sản văn hóa (nếu có) được kiểm kê, ghi danh, bảo vệ đúng quy định	100%	
			Tỷ lệ di sản văn hóa (nếu có) được tu bổ, tôn tạo và phát huy giá trị đúng quy định	≥ 50%	
		6.3. Tỷ lệ áp đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định và đạt chuẩn nông thôn mới	Có 100% số ấp đạt tiêu chuẩn văn hóa, trong đó 15% số ấp văn hóa được tặng Giấy khen Ấp văn hóa, 15% số gia đình văn hóa được tặng Giấy khen Gia đình văn hóa ⁵³	Đạt	Sở VHTT và Du lịch
			Tỷ lệ ấp đạt chuẩn nông thôn mới	100%	Sở NN và PTNT

⁵¹ Trung tâm Văn hóa - Thể thao và Học tập cộng đồng xã phải được đầu tư xây dựng riêng biệt với khu hành chính xã; trường hợp đã đầu tư xây dựng trong khu hành chính xã thì phải bố trí lối đi riêng cho Trung tâm để đảm bảo mọi người dân đều được sử dụng và tiếp cận thuận lợi. Nhà Văn hóa - Khu thể thao các ấp phải được đầu tư xây dựng riêng biệt (không sử dụng nhà văn hóa liên ấp; không mượn nhà dân, cơ sở tín ngưỡng dân gian...) và được tu bổ, tôn tạo thường xuyên.

⁵² Di sản văn hoá bao gồm di sản văn hoá phi vật thể và di sản văn hoá vật thể, là sản phẩm tinh thần, vật chất có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học, được lưu truyền từ thế hệ này qua thế hệ khác.

⁵³ Tiêu chuẩn, trình tự, thủ tục, hồ sơ công nhận danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Ấp văn hóa” thực hiện theo Nghị định số 122/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ về Quy định về xét tặng danh hiệu “gia đình văn hóa”, “thôn văn hóa”, “làng văn hóa”, “ấp văn hóa”, “bản văn hóa”, “tổ dân phố văn hóa”.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Có mô hình thí điểm chợ đảm bảo an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm ⁵⁴	Chợ được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố; có hệ thống cấp thoát nước; có kho hoặc khu vực bảo quản thực phẩm; có nhà vệ sinh được xây dựng đáp ứng tiêu chuẩn 25 hộ kinh doanh/nhà vệ sinh.	Đạt	Sở Công Thương
			Có tối thiểu 30% số cơ sở kinh doanh thực phẩm cố định trong tổng số cơ sở kinh doanh cố định. Điểm kinh doanh (sạp hàng, ki-ốt, cửa hàng) được bố trí cố định có diện tích tối thiểu là 3 m ² /điểm.	Đạt	
			Các khu chức năng được phân thành từng khu vực riêng biệt ⁵⁵ và được ngăn cách bởi đường đi có chiều rộng tối thiểu là 1,5m. Khu vực kinh doanh phi thực phẩm được bố trí tách biệt với khu vực thực phẩm.	Đạt	
			Có hoạt động dọn vệ sinh, thu gom rác thải hàng ngày. Định kỳ tổ chức khử trùng và tiêu diệt côn trùng, động vật gây hại.	Đạt	

⁵⁴ Nếu xã không có mô hình thí điểm chợ đảm bảo an toàn thực phẩm, hoặc chợ đáp ứng yêu cầu chung theo tiêu chuẩn chợ kinh doanh thực phẩm thì phải xem xét, đánh giá cơ sở bán lẻ khác như: Siêu thị mini hoặc Cửa hàng tiện lợi hoặc Cửa hàng kinh doanh tổng hợp. Quy mô của cơ sở bán lẻ thực hiện theo quy định tại Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Long An giai đoạn 2021-2025.

⁵⁵ Khu vực kinh doanh thực phẩm động vật (thịt lợn, thịt gà...); khu vực kinh doanh thủy hải sản; khu vực kinh doanh rau, củ, quả; khu vực kinh doanh dịch vụ ăn uống; khu vực kinh doanh thực phẩm chín; khu vực kinh doanh thực phẩm khác

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
8	Thông tin và Truyền thông	8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân		Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
		8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh ⁵⁶		$\geq 80\%$	
		8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông	Có 100% số ấp có hệ thống loa hoạt động thường xuyên	Đạt	
			Có 100% số ấp có hộ gia đình thu xem được 01 trong số phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet	Đạt	
			Có ít nhất 01 điểm cung cấp xuất bản phẩm ⁵⁷	Đạt	
		8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế-xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới	Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã	$\geq 50\%$	
			Tỷ lệ cán bộ công chức xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin	100%	
			Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản	$\geq 70\%$	
			Có 100% số sản phẩm OCOP được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử	Đạt	
			Có 100% số hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ	Đạt	

⁵⁶ Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh là tỷ lệ dân số theo độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.

⁵⁷ Xuất bản phẩm là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức: Sách in; sách chữ nổi; tranh, ảnh, bản đồ, áp phích, tờ rơi, tờ gấp; các loại lịch; bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh hoạ cho sách.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)	Trụ sở UBND xã, Trung tâm Văn hóa Thể thao và Học tập cộng đồng xã và Trạm Y tế xã bắt buộc phải có mạng wifi miễn phí. Các điểm công cộng khác: Trường học, nhà văn hóa ấp, các địa điểm du lịch cộng đồng, chợ... khuyến khích có mạng wifi miễn phí	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
			Mạng wifi miễn phí phải đáp ứng chất lượng dịch vụ, các điều kiện kỹ thuật khai thác và đảm bảo an toàn, an ninh thông tin	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	Tỷ lệ hộ có nhà ở kiên cố hoặc bán kiên cố ⁵⁸	Đối với xã thuộc thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường và các huyện: Bến Lức, Đức Hòa, Cần Đước, Cần Giuộc (trừ xã Phước Vĩnh Đông), Châu Thành, Tân Trụ	≥ 90%	Sở Xây dựng
			Đối với xã thuộc các huyện: Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hoá, Tân Thạnh, Thạnh Hoá, Thủ Thừa, Đức Huệ và xã Phước Vĩnh Đông-huyện Cần Giuộc	≥ 80%	

⁵⁸ Nhà kiên cố (nhà đạt chuẩn) là nhà phải đảm bảo các yêu cầu: (1) Đảm bảo 3 “cứng” (nền cứng, khung cứng, mái cứng): Nền-móng được làm từ vữa xi măng-cát, bê tông cốt thép, gạch, đá; khung-cột-tường được làm từ bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc, gạch/đá; mái được lợp ngói/tôn giả ngói/tôn lạnh/ tôn cách nhiệt/ tôn cán sóng; (2) diện tích tối thiểu từ 14 m²/ người trở lên, diện tích một căn nhà tối thiểu từ 30 m² trở lên (hộ đơn thân tối thiểu từ 18 m² trở lên); (3) niên hạn sử dụng từ 20 năm trở lên; (4) các công trình phụ trợ (bếp, nhà tiêu, chuồng trại chăn nuôi...) phải được bố trí vệ sinh, thuận tiện.

Nhà bán kiên cố (nhà ở thiếu kiên cố) là nhà ở có 01 trong tổng số 03 bộ phận cấu thành chủ yếu được xếp vào loại bền chắc hoặc có 02 trong tổng số 03 bộ phận cấu thành chủ yếu không đảm bảo 3 cứng.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người (<i>triệu đồng/ người</i>)	Năm 2021	≥ 60	Cục Thống kê tỉnh
			Năm 2022	≥ 64	
			Năm 2023	≥ 68	
			Năm 2024	≥ 72	
			Năm 2025	≥ 76	
11	Nghèo đa chiều	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025 theo hướng dẫn của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội		Đạt	Sở LĐTB và Xã hội
12	Lao động	12.1. Tỷ lệ lao động qua đào tạo (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 75\%$	
		12.2. Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		$\geq 30\%$	

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí								Chỉ tiêu		Cơ quan chủ trì	
		12.3. Tỷ lệ lao động làm việc trong các ngành kinh tế chủ lực trên địa bàn										Sở LĐTB và Xã hội	
		Huyện Năm	Đối với các xã thuộc huyện Tân Hưng, Vĩnh Hưng, Mộc Hóa, Tân Thạnh, Thạnh Hóa, Đức Huệ, Châu Thành, Thủ Thừa, Tân Trụ					Đối với các xã thuộc thành phố Tân An, thị xã Kiến Tường và các huyện: Bến Lức, Đức Hoà, Cần Đước, Cần Giuộc					
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	Sở LĐTB và Xã hội
		Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực nông-lâm nghiệp và thủy sản	< 55%	< 54%	< 53%	< 52%	< 51%	< 40%	< 35%	< 30%	< 25%	< 20%	
		Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực công nghiệp - xây dựng	> 10%	> 12%	> 15%	> 18%	> 20%	> 30%	> 32%	> 35%	> 38%	> 40%	
		Tỷ lệ lao động làm việc trong lĩnh vực dịch vụ	> 15%	> 18%	> 20%	> 22%	> 25%	> 20%	> 25%	> 30%	> 32%	> 35%	

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
13	Tổ chức sản xuất và phát triển kinh tế nông thôn	13.1. Hợp tác xã hoạt động hiệu quả và có hợp đồng liên kết theo chuỗi giá trị ổn định	Tổ chức, hoạt động theo quy định của Luật Hợp tác xã hiện hành	Đạt	Sở Kế hoạch và Đầu tur
			Có ít nhất 01 loại dịch vụ cơ bản, thiết yếu phục vụ thành viên hợp tác xã	Đạt	
			Được đánh giá, xếp loại đạt loại khá trở lên ⁵⁹	Đạt	
			Số thành viên của hợp tác xã tham gia góp vốn	≥ 20 thành viên	
			Có ký kết, thực hiện hợp đồng tiêu thụ cho tối thiểu 30% tổng sản lượng sản phẩm, dịch vụ chính của hợp tác xã trong 03 năm liền trước năm xét công nhận	Đạt	
		13.2. Có sản phẩm OCOP được xếp hạng đạt chuẩn hoặc tương đương còn thời hạn	Có sản phẩm OCOP được công nhận đạt từ 3 sao trở lên còn thời hạn theo quyết định	≥ 01 sản phẩm	Sở NN và PTNT
			Có sản phẩm chủ lực của xã đáp ứng các điều kiện cơ bản của sản phẩm hàng hóa ⁶⁰	≥ 01 sản phẩm	

⁵⁹ Việc đánh giá, xếp loại hợp tác xã thực hiện theo Thông tư số 01/2020/TT-BKHĐT ngày 19/02/2020 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư và các văn bản sửa đổi bổ sung (nếu có).

⁶⁰ Các điều kiện cơ bản gồm có: (1) Sản xuất gắn với vùng nguyên liệu tập trung, đảm bảo các yêu cầu về an toàn thực phẩm theo quy định; (2) Có thương hiệu sản phẩm (được cấp giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý); (3) có bao bì, nhãn mác theo quy định; (4) có kênh phân phối ổn định và hiệu quả (tỷ trọng sản phẩm chủ lực được tiêu thụ qua kênh phân phối ≥ 50%/năm) trong ít nhất 02 năm liền tục trước năm xét, công nhận xã nông thôn mới nâng cao.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		13.3. Có mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao ⁶¹ , hoặc mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa các khâu ⁶² , hoặc liên kết theo chuỗi giá trị gắn với đảm bảo an toàn thực phẩm ⁶³	≥ 01 mô hình	Sở NN và PTNT
		13.4. Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã ⁶⁴	Đạt	
		13.5. Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử ⁶⁵	≥ 10 %	
		13.6. Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực của xã được cấp mã vùng ⁶⁶	Đạt	

⁶¹ Mô hình kinh tế ứng dụng công nghệ cao khi đáp ứng một trong các điều kiện sau: (1) Có Khu nông nghiệp công nghệ cao được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thành lập hoặc phê duyệt; (2) có doanh nghiệp nông nghiệp được cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp công nghệ cao; (3) có mô hình kinh tế có quy mô phù hợp và sản xuất ra các sản phẩm có chất lượng, tính năng vượt trội, giá trị gia tăng cao, thân thiện với môi trường (Sản xuất giống và ứng dụng các giống mới có năng suất cao, chất lượng tốt và khả năng chống chịu cao; Sản xuất các sản phẩm nông nghiệp có chất lượng, an toàn và hiệu quả cao áp dụng quy trình quản lý cây trồng tổng hợp (ICM), VietGAP; Sản xuất rau an toàn, hoa cao cấp trong nhà lưới, nhà kính; Nhân giống và sản xuất nấm ăn và nấm dược liệu quy mô tập trung; Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các bộ kit chẩn đoán bệnh các loại phân bón thế hệ mới; Ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm nước cho cây trồng; Chăn nuôi gia cầm, lợn, bò quy mô công nghiệp; Ứng dụng các chế phẩm sinh học, các loại thức ăn chăn nuôi; Ứng dụng công nghệ viễn thám, hệ thống thông tin địa lý, hệ thống định vị toàn cầu trong quản lý và bảo vệ rừng; Nuôi thâm canh, siêu thâm canh, tự động kiểm soát và xử lý môi trường bằng các công nghệ tiên tiến (chemicalfog, biofloc, lọc sinh học) trong nuôi trồng thủy sản; Ứng dụng công nghệ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý để quy hoạch, quản lý và khai thác các vùng nuôi trồng thủy sản; Sản xuất và ứng dụng các chế phẩm sinh học, các chất phụ gia thiên nhiên, các chất màu để bảo quản và chế biến nông, lâm, thủy sản; Mô hình bảo quản, chế biến sâu các sản phẩm nông sản; Mô hình chế biến các sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao).

⁶² Mô hình nông nghiệp áp dụng cơ giới hóa đồng bộ các khâu khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) Có quy mô phù hợp với đặc điểm phát triển kinh tế của xã; (2) Điểm trung bình đánh giá mức độ cơ giới hóa các khâu đạt ≥ 65 điểm.

⁶³ Có liên kết theo chuỗi giá trị gắn với bảo đảm an toàn thực phẩm khi đáp ứng các điều kiện sau: (1) Có mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ nông sản chủ lực dựa trên hợp đồng liên kết ổn định tối thiểu là một (01) chu kỳ sản xuất đối với cây lâm nghiệp, hai (02) chu kỳ nuôi, trồng, khai thác đối với các sản phẩm nông nghiệp khác và được sản xuất theo quy trình và chất lượng thống nhất giữa các bên tham gia liên kết; (2) sản phẩm mô hình liên kết được cấp giấy chứng nhận đảm bảo an toàn thực phẩm hoặc tương đương còn hiệu lực.

⁶⁴ Ứng dụng chuyển đổi số để thực hiện truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực được xác định là có tối thiểu 01 sản phẩm nông sản chủ lực được các cơ sở sản xuất kinh doanh thiết lập hệ thống điện tử truy xuất nguồn gốc đảm bảo các yêu cầu lưu trữ, truy xuất thông tin ở mỗi công đoạn từ sản xuất đến lưu trữ, chế biến và thương mại sản phẩm

⁶⁵ Tỷ lệ sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử (thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội) được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số sản phẩm chủ lực của xã được bán qua kênh thương mại điện tử trên tổng số sản phẩm chủ lực của xã tại cùng thời điểm đánh giá.

⁶⁶ Vùng nguyên liệu tập trung đối với nông sản chủ lực được cấp mã vùng được xác định là có sản phẩm nông sản chủ lực thuộc vùng nguyên liệu tập trung được cấp mã vùng

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		13.7. Có triển khai quảng bá hình ảnh điểm du lịch của xã thông qua ứng dụng Internet, mạng xã hội	Có xây dựng chuyên mục du lịch của xã trên trang thông tin điện tử của xã hoặc huyện hoặc trên website, fanpage du lịch	Đạt	Sở VHTT và Du lịch
			Thông tin về các điểm du lịch của xã được cập nhật thường xuyên trên chuyên mục du lịch hoặc trên website, fanpage du lịch	Đạt	
		13.8. Có mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) ⁶⁷		≥ 01 mô hình	Sở NN và PTNT
14	Y tế	14.1. Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế (áp dụng đạt cho cả nam và nữ)		≥ 95%	Sở Y tế
		14.2. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ⁶⁸		≥ 90%	
		14.3. Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa (áp dụng đạt cho cả nam và nữ) ⁶⁹		≥ 40%	
		14.4. Tỷ lệ dân số có Sổ khám chữa bệnh điện tử ⁷⁰		≥ 70%	

⁶⁷ Mô hình phát triển kinh tế nông thôn hiệu quả theo hướng tích hợp đa giá trị (kinh tế, văn hoá, môi trường) phải đảm bảo tối thiểu 02 tiêu chí trong các tiêu chí sau: Tạo giá trị gia tăng cho sản phẩm; tạo công ăn việc làm, nâng cao thu nhập; giữ gìn bản sắc văn hóa; không gây ô nhiễm môi trường.

⁶⁸ Quản lý sức khỏe là thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh của người dân được lưu trữ và cập nhật. Tỷ lệ dân số được quản lý sức khỏe được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số dân có thông tin về sức khỏe, hoạt động khám bệnh, chữa bệnh được lưu trữ và cập nhật trên sổ dân của xã trong năm báo cáo.

⁶⁹ Tỷ lệ người dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số dân tham gia và sử dụng ứng dụng khám chữa bệnh từ xa trên sổ dân của xã trong năm báo cáo.

⁷⁰ Hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử (sổ khám chữa bệnh điện tử) là hệ thống quản lý hồ sơ ghi chép tình trạng chăm sóc và lịch sử sức khỏe của một người từ lúc sinh ra cho đến lúc mất đi. Tỷ lệ dân số có sổ khám chữa bệnh điện tử được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) giữa số dân có Hồ sơ quản lý sức khỏe điện tử trên sổ dân của xã trong năm báo cáo.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
15	Hành chính công	15.1. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết thủ tục hành chính	Xã đã tổ chức triển khai thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
			Tỷ lệ thủ tục hành chính được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt 95% đối với hồ sơ thủ tục thuộc thẩm quyền giải quyết của xã và 90% đối với hồ sơ thủ tục hành chính liên thông	Đạt	
		15.2. Có dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 trở lên		Đạt	
		15.3. Giải quyết các thủ tục hành chính đảm bảo đúng quy định và không để xảy ra khiếu nại vượt cấp	Công khai 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết và các nội dung hướng dẫn thực hiện phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức ⁷¹	Đạt	
			Có 100% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết được tổ chức tiếp nhận, giải quyết theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông và áp dụng quy trình theo dõi việc tiếp nhận, xử lý hồ sơ, trả kết quả giải quyết trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh ⁷²	Đạt	
			Đã tổ chức thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính, đáp ứng mục tiêu số hóa đối với cấp xã được giao ⁷³	Đạt	

⁷¹ Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ, Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/02/2008 của Chính phủ; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ và Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính phủ.

⁷² Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ.

⁷³ Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ, Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
			Trong 03 (ba) năm liên tục liền kề trước năm xét công nhận, kết quả giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của xã được giải quyết đúng hoặc sớm hạn đạt tối thiểu từ 98% trở lên đối với hồ sơ thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp xã và 95% trở lên đối với hồ sơ thực hiện theo cơ chế một cửa liên thông tại bước tiếp nhận, xử lý ở cấp xã; các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi theo đúng quy định ⁷⁴ ; không có kết quả giải quyết thủ tục hành chính phải sửa đổi, bổ sung do lỗi của cơ quan nhà nước hoặc bị phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện; không có ý kiến phản ánh, kiến nghị về hành vi, thái độ nhũng nhiễu, gây phiền hà, không thực hiện hoặc thực hiện không đúng quy định pháp luật trong giải quyết thủ tục hành chính, trừ trường hợp phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, khiếu kiện được cơ quan có thẩm quyền xem xét, xử lý, kết luận là không đúng hoặc vu cáo	Đạt	Sở Thông tin và Truyền thông
			Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ người dân và doanh nghiệp trong thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công của năm liền kề trước năm xét công nhận và tại thời điểm xét công nhận được xếp tối thiểu từ loại tốt trở lên ⁷⁵	Đạt	
			Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết thủ tục hành chính đạt mục tiêu được giao ⁷⁶	Đạt	

⁷⁴ Việc thực hiện xin lỗi đối với các hồ sơ thủ tục hành chính giải quyết quá hạn được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ.

⁷⁵ Chỉ số đánh giá chất lượng phục vụ thực hiện theo quy định tại Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ, Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 của Chính phủ và Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

⁷⁶ Mục tiêu được giao thực hiện theo quy định tại khoản 2 mục III Điều 1 về cải cách thủ tục hành chính của Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
16	Tiếp cận pháp luật	16.1. Có ít nhất 01 mô hình điển hình về phổ biến, giáo dục pháp luật, hòa giải ở cơ sở hoạt động hiệu quả được công nhận	Đạt	Sở Tư pháp
		16.2. Tỷ lệ mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm thuộc phạm vi hòa giải được hòa giải thành	$\geq 90\%$	
		16.3. Tỷ lệ người dân thuộc đối tượng trợ giúp pháp lý tiếp cận và được trợ giúp pháp lý khi có yêu cầu	$\geq 90\%$	
17	Môi trường	17.1. Khu kinh doanh, dịch vụ, chăn nuôi, giết mổ (gia súc, gia cầm), nuôi trồng thủy sản có hạ tầng kỹ thuật về bảo vệ môi trường ⁷⁷	Đạt	Sở TN và MT
		17.2. Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường ⁷⁸	100%	

⁷⁷ Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường gồm có: (1) hệ thống thu gom, thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung; (2) thực hiện quan trắc môi trường; (3) có công trình bảo vệ môi trường (bao gồm: Công trình xử lý chất thải; công trình thu gom, lưu giữ chất thải rắn; công trình bảo vệ môi trường khác).

⁷⁸ Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, để đảm bảo quy định về môi trường phải đáp ứng các điều kiện sau: (1) Vị trí cơ sở phải phù hợp với quy hoạch; (2) có Báo cáo đánh giá tác động môi trường/cam kết bảo vệ môi trường/kế hoạch bảo vệ môi trường/Đề án bảo vệ môi trường được cấp có thẩm quyền phê duyệt/Giấy phép môi trường/Đăng ký môi trường được cấp có thẩm quyền cấp/tiếp nhận theo quy định; (3) có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định; (4) chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; (5) nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; (6) quản lý bụi, khí thải theo quy định; (7) thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường. Ngoài ra, đối với cơ sở nuôi trồng thủy sản không sử dụng thuốc thú y thủy sản, hóa chất đã hết hạn sử dụng hoặc ngoài danh mục cho phép theo quy định; đáp ứng yêu cầu theo quy định về điều kiện nuôi thủy sản.

Đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh, nuôi trồng thủy sản không thuộc đối tượng phải lập hồ sơ môi trường, để đảm bảo quy định về môi trường phải đáp ứng các điều kiện sau: (1) vị trí cơ sở phải phù hợp với quy hoạch; (2) có công trình/biện pháp thu gom, xử lý chất thải theo quy định; (3) chất thải rắn, chất thải nguy hại được thu gom, phân loại, lưu giữ, chuyển giao đến các đơn vị có chức năng xử lý theo quy định; (4) nước thải được thu gom và xử lý đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định; (5) quản lý bụi, khí thải theo quy định; (6) thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định của pháp luật bảo vệ môi trường.

Đối với làng nghề được công nhận, để đảm bảo quy định về môi trường phải đáp ứng các điều kiện sau: (1) có Quyết định công nhận làng nghề; (2) có phương án bảo vệ môi trường làng nghề được UBND cấp huyện phê duyệt; (3) có tổ chức tự quản về bảo vệ môi trường; (4) có hạ tầng về bảo vệ môi trường làng nghề (bao gồm: Hệ thống thu gom nước thải, nước mưa; hệ thống thu gom, thoát nước và xử lý nước thải tập trung (nếu có); điểm tập kết chất thải rắn, khu xử lý chất thải rắn (nếu có) hoặc phương án vận chuyển chất thải rắn đến khu xử lý chất thải rắn; các cơ sở, hộ gia đình sản xuất trong làng nghề phải thực hiện các quy định về đánh giá tác động môi trường/cấp giấy phép môi trường/đăng ký môi trường).

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		17.3. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn được thu gom, xử lý theo quy định ⁷⁹	$\geq 95\%$	Sở TN và MT
		17.4. Tỷ lệ hộ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả ⁸⁰	$\geq 35\%$	
		17.5. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn ⁸¹	$\geq 50\%$	
	17.6. Tỷ lệ chất thải rắn nguy hại được thu gom, vận chuyển và xử lý đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường	Tỷ lệ chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý ⁸²	100%	
		Tỷ lệ bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý ⁸³	100%	
		Tỷ lệ chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được thu gom, vận chuyển và xử lý ⁸⁴	100%	

⁷⁹ Chất thải rắn sinh hoạt là chất thải rắn phát sinh trong sinh hoạt thường ngày của con người. Chất thải rắn không nguy hại là chất thải rắn không thuộc danh mục chất thải nguy hại hoặc danh mục chất thải công nghiệp phải kiểm soát có yếu tố nguy hại vượt ngưỡng chất thải nguy hại. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng số hộ tham gia mạng lưới thu gom rác/ Tổng số hộ hiện có trên địa bàn x 100%. Tỷ lệ chất thải rắn không nguy hại được thu gom và xử lý theo quy định (%) = Tổng khối lượng chất thải rắn không nguy hại được thu gom, xử lý/ Tổng khối lượng chất thải rắn không nguy hại phát sinh trên địa bàn x 100%..

⁸⁰ Biện pháp thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phù hợp bao, hiệu quả gồm có: Bể tự hoại, bể lọc kỵ khí có vách ngăn, bể tự hoại cải tiến có vách ngăn và ngăn lọc kỵ khí dùng hướng lên; hồ kỵ khí, hồ hiếu khí, hồ ổn định; bãi lọc trồng cây; bể phản ứng theo mẻ, các công nghệ khác.

⁸¹ Chất thải rắn sinh hoạt được phân loại tại nguồn theo nguyên tắc: (1) Chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; (2) chất thải thực phẩm; (3) chất thải rắn sinh hoạt khác.

⁸² Chất thải y tế nguy hại được thu gom, xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 62, Điều 83, 84 của Luật Bảo vệ môi trường; Điều 68, 69, 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 20/2021/TT-BYT ngày 26/11/2021 của Bộ Y tế; Điều 42 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

⁸³ Bao gói thuốc bảo vệ thực vật sau sử dụng được thu gom, xử lý theo quy định tại Thông tư liên tịch số 05/2016/TTLT-BNNPTNT-BTNMT ngày 16/5/2016 của Bộ Nông nghiệp và PTNT và Bộ Tài nguyên và Môi trường; Điều 43 của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

⁸⁴ Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động sản xuất, kinh doanh được thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định tại Điều 71 của Luật Bảo vệ môi trường; khoản 2 Điều 70 của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		17.7. Tỷ lệ chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp được thu gom, tái sử dụng và tái chế thành nguyên liệu, nhiên liệu ⁸⁵ và các sản phẩm thân thiện với môi trường ⁸⁶	$\geq 80\%$	Sở NN và PTNT
		17.8. Tỷ lệ cơ sở chăn nuôi bảo đảm các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường ⁸⁷	$\geq 85\%$	
	17.9. Nghĩa trang, cơ sở hỏa táng (nếu có) đáp ứng các quy định của pháp luật và theo quy hoạch	Được xây dựng theo quy hoạch	Đạt	Sở Xây dựng
		Đảm bảo khoảng cách an toàn môi trường đối với công trình nhà ở tại đô thị và điểm dân cư nông thôn tập trung ⁸⁸	Đạt	
		Có quy chế quản lý được phê duyệt theo quy định	Đạt	
		Có tổ chức quản lý, vận hành theo quy định.	Đạt	

⁸⁵ Tái chế, tái sử dụng chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp là hoạt động có áp dụng các biện pháp để thay đổi chất thải hữu cơ, phụ phẩm nông nghiệp thành các dạng dễ tiêu, dễ phân huỷ, từ đó chế biến thành các sản phẩm có thể trao đổi qua thị trường hoặc sử dụng cho các mục đích khác. Biện pháp tái sử dụng, tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm cây trồng gồm có: Ủ thành phân hữu cơ truyền thống; ủ chua làm thức ăn chăn nuôi; làm vật liệu độn chuồng, đệm lót sinh học trong chăn nuôi; làm giá thể trồng nấm, trồng cây; làm than hoạt tính; phơi khô, nghiền thành bột bổ sung thức ăn chăn nuôi hoặc chế biến thành sản phẩm thương mại khác; cây vùi hoặc phay; ép xanh theo rãnh hoặc phủ luống; vùi trong hố đa năng hoặc che phủ gốc cây trồng, che phủ đất; sản xuất thành viên nhiên liệu... Biện pháp tái sử dụng, tái chế chất thải hữu cơ, phụ phẩm chăn nuôi gồm có: Ủ phân (composting), sản xuất phân hữu cơ, nuôi côn trùng (trùng quế, lính ruồi đen), công nghệ khí sinh học, ao sinh học, chế phẩm sinh học...

⁸⁶ Sản phẩm thân thiện môi trường là sản phẩm mà quá trình sản xuất và tiêu thụ chúng không gây ảnh hưởng tiêu cực tới môi trường (nếu có thì cũng có tác động nhẹ hơn so với các sản phẩm cùng loại). Sản phẩm thân thiện với môi trường còn được gọi là sản phẩm xanh, sản phẩm sinh thái.

⁸⁷ Trang trại chăn nuôi đảm bảo quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường khi: (1) Vị trí xây dựng trang trại phù hợp, đáp ứng yêu cầu về mật độ chăn nuôi; (2) Có đủ nguồn nước bảo đảm chất lượng cho hoạt động chăn nuôi và xử lý chất thải chăn nuôi; (3) Có biện pháp bảo vệ môi trường theo quy định; (4) Có chuồng trại, trang thiết bị chăn nuôi phù hợp; (5) Có hồ sơ ghi chép hoạt động chăn nuôi để đảm bảo truy xuất nguồn gốc, lưu giữ hồ sơ trong thời gian tối thiểu là 01 năm sau khi kết thúc chu kỳ nuôi; (6) Có khoảng cách an toàn trong chăn nuôi theo quy định; (7) Thực hiện kê khai hoạt động chăn nuôi với UBND cấp xã; (8) Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định; (9) Phải được cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện chăn nuôi (trang trại lớn); (10) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh và bảo vệ môi trường; (11) Thực hiện xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định.

Nông hộ chăn nuôi đảm bảo quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường khi: (1) Chuồng nuôi phải tách biệt với nơi ở của người; (2) Định kỳ vệ sinh, khử trùng, tiêu độc chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi; (3) Có các biện pháp phù hợp để vệ sinh phòng dịch; thu gom, xử lý phân, nước thải chăn nuôi, xác vật nuôi và chất thải chăn nuôi khác theo quy định; (4) Thực hiện kê khai chăn nuôi với UBND cấp xã; (5) Bảo đảm đối xử nhân đạo với vật nuôi theo quy định; (6) Thực hiện xử lý chất thải chăn nuôi theo quy định.

⁸⁸ Khoảng cách an toàn môi trường nghĩa trang với công trình nhà ở tại đô thị và điểm dân cư nông thôn tập trung như sau: Khoảng cách tối thiểu từ khu huyết mộ nghĩa trang hung táng là 1.000 m; khoảng cách tối thiểu từ khu huyết mộ nghĩa trang chôn một lần là 500m; khoảng cách tối thiểu từ khu huyết mộ nghĩa trang cát táng là 100m. Khoảng cách an toàn môi trường cơ sở hỏa táng với công trình nhà ở tại đô thị và điểm dân cư nông thôn tập trung là từ 500 m trở lên. Đồng thời, nghĩa trang, cơ sở hỏa táng phải tuân thủ quy định về khu vực bảo vệ đối với điểm lấy nước, công trình cấp nước theo quy định.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		17.10. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng	$\geq 10\%$	Sở TN và MT
		17.11. Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn ⁸⁹	$\geq 4 \text{ m}^2/\text{người}$	Sở NN và PTNT
		17.12. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định ⁹⁰	$\geq 70\%$	Sở TN và MT
18	Chất lượng môi trường sống	18.1. Tỷ lệ hộ được sử dụng nước sạch theo quy chuẩn từ hệ thống cấp nước tập trung ⁹¹	$\geq 55\%$	Sở NN và PTNT
		18.2. Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm ⁹²	$\geq 60 \text{ lít}$	
		18.3. Tỷ lệ công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững ⁹³	$\geq 40\%$	
		18.4. Tỷ lệ chủ thể hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm hàng năm được tập huấn về an toàn thực phẩm	100%	

⁸⁹ Đất cây xanh sử dụng công cộng tại điểm dân cư nông thôn là đất công viên, vườn hoa, sân chơi được trồng các loại cây bản địa, thân gỗ, đa mục đích (bao gồm cả cây bóng mát, cây ăn quả lâu năm; không bao gồm cây thân thảo, vườn hoa, thảm cỏ) có giá trị bảo vệ môi trường, cảnh quan, tác dụng phòng hộ cao, cây quý, hiếm, mang bản sắc văn hóa địa phương.

⁹⁰ Chất thải nhựa được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định khi: (1) không có hiện tượng thải bỏ chất thải nhựa trực tiếp vào hệ thống thoát nước, ao, hồ, kênh, rạch, sông; (2) chất thải nhựa phải được thu gom, phân loại để tái sử dụng, tái chế hoặc xử lý theo quy định, chất thải nhựa không thể tái chế phải được chuyển giao cho cơ sở có chức năng xử lý theo quy định; (3) chất thải nhựa phát sinh từ hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch phải được thu gom, lưu giữ và chuyển giao cho cơ sở có chức năng tái chế và xử lý; (4) tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu sản phẩm nhựa sử dụng một lần, bao bì nhựa khó phân hủy sinh học phải thực hiện trách nhiệm tái chế, xử lý theo quy định; (5) có xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch hoặc mô hình thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa; hướng dẫn, tuyên truyền vận động người dân thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý chất thải nhựa.

⁹¹ Hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước phục vụ sinh hoạt cho quy mô từ cấp ấp trở lên, gồm các hạng mục công trình thu nước, xử lý nước, mạng lưới đường ống phân phối nước và các công trình phụ trợ có liên quan. Đối với khu vực dân cư thưa thớt, phân bố không tập trung thì hệ thống cấp nước tập trung là hệ thống cấp nước sinh hoạt phục vụ cho quy mô từ 30 hộ dân trở lên.

⁹² Cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn bình quân đầu người/ngày đêm là số lượng nước sinh hoạt (tính bằng lít) đạt quy chuẩn được tính bình quân cho một người trên một ngày đêm.

⁹³ Công trình cấp nước tập trung có tổ chức quản lý, khai thác hoạt động bền vững là công trình được giao cho tổ chức, đơn vị quản lý, khai thác, vận hành tuân theo quy định của pháp luật; có cán bộ đảm bảo chuyên môn, năng lực quản lý vận hành công trình và đạt các tiêu chí hoạt động bền vững của Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch nông thôn.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		18.5. Không để xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của xã ⁹⁴		Đạt	Sở NN và PTNT
		18.6. Tỷ lệ cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được chứng nhận về an toàn thực phẩm ⁹⁵		100%	
		18.7. Tỷ lệ hộ có nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh, nhà tiêu an toàn và đảm bảo 3 sạch ⁹⁶		≥ 80%	Sở TN và MT
		18.8. Tỷ lệ bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt (nếu có) đảm bảo vệ sinh môi trường ⁹⁷		100%	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1. Nâng cao chất lượng hoạt động của Ban Chỉ huy quân sự xã và lực lượng dân quân	Chỉ huy trưởng; Phó chỉ huy trưởng có trình độ chuyên môn từ cao đẳng ngành quân sự cơ sở trở lên	Đạt	Bộ CHQS tỉnh
			Tỷ lệ đảng viên trong dân quân	≥ 20%	
		19.2. Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (<i>giao thông, cháy, nổ</i>) nghiêm	Không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội từ nghiêm trọng trở lên hoặc gây tai nạn (<i>giao thông, cháy, nổ</i>) từ nghiêm trọng trở lên (trừ trường hợp bất khả kháng).	Đạt	Công an tỉnh

⁹⁴ Sự cố về an toàn thực phẩm là tình huống xảy ra do ngộ độc thực phẩm, bệnh truyền qua thực phẩm hoặc các tình huống khác phát sinh từ thực phẩm gây hại trực tiếp đến sức khỏe, tính mạng con người. Xã không xảy ra sự cố về an toàn thực phẩm khi sản phẩm từ hộ gia đình, cơ sở sản xuất kinh doanh thực phẩm trên địa bàn xã không là nguyên nhân gây ra sự cố về an toàn thực phẩm.

⁹⁵ Việc chứng nhận về an toàn thực phẩm đối với cơ sở sơ chế, chế biến thực phẩm nông lâm thủy sản được theo quy định tại Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và PTNT.

⁹⁶ Nhà tiêu hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Được xây dựng khép kín, chất thải nhà vệ sinh không thải trực tiếp ra môi trường, không tạo môi trường cho ruồi, muỗi và các côn trùng khác sinh nở, không gây mùi hôi, khó chịu; (2) Có biện pháp cô lập được phân người, làm cho phân tươi hoặc chưa an toàn không thể tiếp xúc với người và động vật, tiêu diệt được các tác nhân gây bệnh có trong phân. Nhà tắm hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Nhà tắm kín đáo có tường bao, có mái che; (2) Nước thải phải được xử lý và xả nước thải đúng nơi quy định. Thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh phải đảm bảo các điều kiện: (1) Có dung tích đủ lớn; (2) Sử dụng vật liệu không có thành phần độc hại; (3) Có nắp đậy kín; (4) Vệ sinh định kỳ 3 tháng 1 lần. Hộ gia đình đảm bảo 3 sạch, gồm: Sạch nhà, sạch bếp, sạch ngõ theo nội dung Cuộc vận động “Xây dựng gia đình 5 không 3 sạch”.

⁹⁷ Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt đang hoạt động phải đảm bảo vệ sinh môi trường theo quy định QCVN 25:2009/BTNMT; TCVN 6696:2009; QCVN 07-9:2016/BXD. Bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt sau khi đóng bãi và bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt không hợp vệ sinh phải được xử lý ô nhiễm, cải tạo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường.

S TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí		Chỉ tiêu	Cơ quan chủ trì
		trọng trở lên; có mô hình camera an ninh và các mô hình (phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự an toàn giao thông; phòng cháy chữa cháy) gắn với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, có hiệu quả	Có một trong các mô hình: Phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội; bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ; sử dụng camera phục vụ công tác đảm bảo an ninh, trật tự... gắn với Phong trào Toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc hoạt động thường xuyên, hiệu quả.	Đạt	Công an tỉnh